**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA**

KHOA HỌC CƠ BẢN

-------------------------o0o---------------------------



**BÀI TẬP TIỂU LUẬN**

**KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN**

**ĐỀ TÀI: Thế nào là tích lũy tư bản? Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy tư bản? Nêu ví dụ và liên hệ thực tiễn.**

**Họ và tên giảng viên: ThS. Đồng Thị Tuyền**

**Thành viên nhóm 10:**

1. Đỗ Thị Phương – Lớp: QTKD 3 – MSV: 20010306
2. Nguyễn Thu Phương – Lớp: Dược 1 – MSV: 20010483
3. Tạ Thị Phượng – Lớp: Kế toán – MSV: 20010387
4. Nguyễn Văn Quang – Lớp: CNTT 1 – MSV: 20010794
5. Hà Văn Quyết – Lớp: QTKD 3 – MSV: 20010307
6. Âu Thị Quý – Lớp: CNTT 1 – MSV: 20010795
7. Lã Diễm Quỳnh – Lớp: NGA 2 – MSV: 20010056
8. Nguyễn Đình Sang – Lớp: TDH1 – MSV: 20010682
9. Đoàn Văn Tâm – Lớp: CNTT 4 – MSV: 20010921

**Hà Nội, tháng 10 năm 2021**

**MỤC LỤC**

**A. LỜI MỞ ĐẦU 3**

**B. NỘI DUNG ĐỀ TÀI 4**

**CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA TÍCH LŨY TƯ BẢN 4**

**I. Khái quát chung về Tích lũy tư bản và Giá trị thặng dư trong nền sản xuất hàng hóa. 4**

**II. Tích lũy tư bản. 5**

1. Bản chất của tích lũy tư bản. 5

2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy tư bản. 7

2.1. Nâng cao tỷ suất giá trị thặng dư. 7

2.2. Nâng cao năng suất lao động. 7

2.3. Sử dụng hiệu quả máy móc và tư bản ứng trước. 8

3. Một số hệ quả của tư bản chủ nghĩa. 10

**CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG VẬN DỤNG TÍCH LŨY TƯ BẢN VÀO NỀN KINH TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY. 12**

1. Khái quát tình hình. 12

2. Vận dụng Tư bản tích lũy vào xây dựng nền kinh tế Việt Nam. 12

3. Giải pháp. 13

**C. PHẦN KẾT LUẬN 15**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO 16**

**LỜI MỞ ĐẦU**

Khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc không phải là một huyễn tưởng xuất phát từ ngẫu hứng chủ quan, duy ý chí, mà là một khát vọng bắt nguồn từ niềm tin vững chắc vào cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín của đất nước sau gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới; vào bản lĩnh và những kinh nghiệm dày dạn mà Đảng, nhân dân ta đã kiểm nghiệm, đúc kết trong thực tiễn lao động, sáng tạo suốt mấy chục năm qua. Đó cũng không phải là khát vọng giản đơn, xuôi chiều, mà là khát vọng được bồi đắp trên cơ sở phân tích, dự báo, lường đoán kỹ lưỡng những thời cơ, thuận lợi có thể nắm bắt, phát huy; đồng thời, tỉnh táo cân nhắc, tính toán những khó khăn, thách thức bên ngoài, những yếu kém, trở ngại bên trong cần phải kiên quyết khắc phục, thích ứng, vượt qua.

Với mô hình kinh tế hiện đại, vốn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tăng trưởng kinh tế. Vốn là cơ sở để tạo ra việc làm, tạo ra công nghệ tiên tiến, tăng năng lực sản xuất của các doanh nghiệp và của cả nền kinh tế, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất theo chiều sâu. Cơ cấu sử dụng vốn có tác động quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế đất nước.

Chính vì tính chất quan trọng đó của tích lũy tư bản (vốn) mà

trong bài tiểu luận: “Tích lũy tư bản và việc vận dụng vào thực tiễn Việt Nam” này em sẽ trình bày xung quanh vấn đề tích lũy,phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy tư bản.

**NỘI DUNG**

**CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA TÍCH LŨY TƯ BẢN**

**I. Khái quát chung về Tích lũy tư bản và Giá trị thặng dư trong nền sản xuất hàng hóa.**

Tích lũy tư bản, trong kinh tế chính trị Mác - Lênin, là việc biến một bộ phận giá trị thặng dư trở lại thành tư bản, còn trong các lý luận kinh tế học khác, nó đơn giản là sự hình thành tư bản (tăng lượng vốn dưới hình thức tư bản cố định và lưu kho của chính phủ và tư nhân).

Đặc trưng của tái sản xuất tư bản chủ nghĩa là tái sản xuất mở rộng. Muốn vậy, cần phát triển một bộ phận giá trị thặng dư thành tư bản phụ thêm. Việc biến giá trị thặng dư trở lại tư bản gọi là tích lũy tư bản. Như vậy, thực chất của tích luỹ tư bản là tư bản hóa giá trị thặng dư.

Nguồn gốc duy nhất của tư bản tích luỹ là giá trị thặng dư và tư bản tích luỹ chiếm tỷ lệ ngày càng lớn trong toàn bộ tư bản. Quá trình tích lũy đã làm cho quyền sở hữu trong nền kinh tế hàng hóa biến thành quyền chiếm đoạt tư bản chủ nghĩa, nhưng sự biến đổi đó không vi phạm quy luật giá trị. Động lực thúc đẩy tích luỹ tư bản là quy luật giá trị thặng dư và cạnh tranh.

Nghiên cứu tích luỹ và tái sản xuất mở rộng tư bản chủ nghĩa có thể rút ra các kết luận:

* Nguồn gốc duy nhất của tư bản tích luỹ là giá trị thặng dư và tư bản tích luỹ chiếm tỷ lệ ngày càng lớn trong toàn bộ tư bản;
* Quá trình tích lũy đã làm cho quyền sở hữu trong nền kinh tế hàng hóa biến thành quyền chiếm đoạt tư bản chủ nghĩa, nhưng sự biến đổi đó không vi phạm quy luật giá trị.
* Động lực thúc đẩy tích luỹ tư bản là quy luật giá trị thặng dư và cạnh tranh.

Để tiến hành sản xuất, nhà tư bản phải mua [sức lao động](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%E1%BB%A9c_lao_%C4%91%E1%BB%99ng) và [tư liệu sản xuất](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C6%B0_li%E1%BB%87u_s%E1%BA%A3n_xu%E1%BA%A5t). Vì tư liệu sản xuất và sức lao động do nhà tư bản mua, nên trong quá trình sản xuất, người công nhân làm việc dưới sự kiểm soát của nhà tư bản và sản phẩm làm ra thuộc sở hữu của nhà tư bản.

Sản xuất tư bản chủ nghĩa là quá trình tạo ra giá trị tăng thêm cho nhà tư bản khi năng suất lao động đạt tới trình độ nhất định – chỉ cần một phần của ngày lao động người công nhân làm thuê đã tạo ra giá trị bằng giá trị sức lao động của chính mình.

Bằng lao động cụ thể của mình, công nhân sử dụng các tư liệu sản xuất và chuyển giá trị của chúng vào sản phẩm; và bằng lao động trừu tượng, công nhân tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị sức lao động, phần lớn hơn đó được gọi là giá trị thặng dư.

Giá trị hàng hóa (W) được sản xuất ra gồm hai phần: giá trị những tư liệu sản xuất đã hao phí được lao động cụ thể bảo tồn và chuyển vào sản phẩm (giá trị cũ, ký hiệu c) và giá trị mới (v+m) do lao động trìu tượng của công nhân tạo ra (lớn hơn giá trị hàng hóa sức lao động). Phần giá trị mới do lao động sống tạo thêm ra ngoài giá trị hàng hóa sức lao động, được nhà tư bản thu lấy mà không trả cho người lao động, được gọi là giá trị thặng dư (m).

Như vậy, lao động sống là nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư.

**II. Tích lũy tư bản.**

**1. Bản chất của tích lũy tư bản.**

Để chỉ ra bản chất của tích lũy tư bản, cần nghiên cứu về tái sản xuất.

Trong thực tế nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, quá trình sản xuât liên tục được lặp đi lặp lại không ngừng. Quá trình sản xuất được lặp đi, lặp lại không ngừng được gọi là tái sản xuất.

Tái sản xuất có hai hình thức chủ yếu là tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng.

Tái sản xuất giản đơn là sự lặp lại quá trình sản xuất với quy mô như cũ. Trong trường hợp này, ứng với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, toàn bộ giá trị thặng dư đã được nhà tư bản tiêu dùng cho cá nhân.

Tuy nhiên, tư bản không những được bảo tồn mà còn phải không ngừng lớn lên. Để thực hiện tái sản xuất mở rộng, nhà tư bản phải biến một bộ phận giá trị thặng dư thành tư bản phụ thêm. Sự chuyển hóa một phần giá trị thặng dư thành tư bản gọi là tích luỹ tư bản.

Bản chất của tích lũy tư bản là quá trình tái sản xuất mở rộng tư bàn chủ nghĩa thông qua việc chuyển hóa giá trị thặng dư thành tư bản phụ thêm dề tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh thông qua mua thêm hàng hóa sức lao động, mở mang nhà xưởng, mua thêm nguyên vật liệu, trang bị thêm máy móc thiết bị... Nghĩa là, nhà tư bản không sử dụng hết giá thị thặng dư thu được cho tiêu dùng cá nhân mà biến nó thành tư bản phụ thêm. Cho nên, khi thị trường thuận lợi, nhà tư bản bán được hàng hóa, giá trị thặng dư vì thế sẽ ngày càng nhiều, nhà tư bản trở nên giàu có hơn.

Thực chất, nguồn gốc duy nhất của tư bản tích luỹ là giá trị thặng dư. Nhờ có tích lũy tư bản, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa không những trở thành thống trị, mà còn không ngừng mở rộng sự thống trị đó.

Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được xây dựng trên cơ sở của một hình thức bóc lột đặc biệt, tức là hình thức chiếm đoạt lao động của người khác (lao động thặng dư) dưới hình thái giá trị thặng dư. Khác với phạm trù “lợi nhuận” vốn được nhà tư bản yêu thích, giá trị thặng dư biểu hiện một cách chính xác như sau: 1- Là giá trị, tức lao động vật hóa; 2- Là lao động thặng dư vật hóa, là phần giá trị dôi ra ngoài giá trị sức lao động và bị nhà tư bản chiếm dụng. Từ đó, đặc điểm bóc lột của tư bản chủ nghĩa không phải là ở sự tồn tại lao động thặng dư, mặc dù dưới sự thống trị của tư bản, trình độ bóc lột được nâng lên rất cao, mà đặc điểm của nó là lao động thặng dư đã hao phí mang hình thái giá trị thặng dư, còn tỷ lệ giữa thời gian lao động thặng dư và thời gian lao động tất yếu thì mang hình thái tỷ lệ giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến. Quan hệ bóc lột bị vật hóa, bị che lấp đằng sau quan hệ giữa vật với vật. Vì thế, sự bóc lột trong chủ nghĩa tư bản là rất tinh vi và không có giới hạn. Như vậy, điểm mấu chốt của học thuyết giá trị thặng dư là:

*Thứ nhất,*chỉ có lao động sống mới tạo ra giá trị của hàng hóa, tạo ra giá trị thặng dư. Nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư là sức lao động của công nhân làm thuê, chỉ có lao động sống (sức lao động đang hoạt động) mới tạo ra giá trị, trong đó có giá trị thặng dư, nguồn gốc của giá trị thặng dư là sự tiêu dùng sức lao động kéo dài ngoài thời gian tái sản xuất ra giá trị của nó;

*Thứ hai,*giá trị thặng dư là quy luật kinh tế tuyệt đối của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, không có sản xuất giá trị thặng dư thì không có chủ nghĩa tư bản, giá trị thặng dư là nguồn gốc của mâu thuẫn cơ bản, nội tại của xã hội tư bản (mâu thuẫn giữa lao động và tư bản, giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân), mâu thuẫn này ngày càng sâu sắc, đưa đến sự thay thế tất yếu chủ nghĩa tư bản bằng một xã hội cao hơn.

*Thứ ba,* chừng nào còn chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tích lũy sản xuất, còn hàng hóa sức lao động, chừng nào mà người lao động còn phải thêm vào thời gian lao động cần thiết để nuôi sống mình một số thời gian lao động dôi ra để sản xuất những tư liệu sinh hoạt cho người chiếm hữu tích lỹ sản xuất, chừng đó, học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác vẫn còn nguyên giá trị.

Học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác với những nội dung cốt lõi nêu trên, ngay từ khi mới ra đời đã vấp phải sự phủ nhận từ phía những người biện hộ và bảo vệ chủ nghĩa tư bản. Vì vậy, “tư bản” và “tích lũy tư bản” chính là tư bản hóa giá trị thặng dư.

**2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy tư bản.**

**2.1. Nâng cao tỷ suất giá trị thặng dư.**

Tỉ suất giá trị thặng dư tăng sẽ tạo tiền đề để tăng quy mô giá trị thặng dư. Từ đó mà tạo điều kiện để tăng quy mô tích lũy. Để nâng cao tỷ suất giá trị thặng dư, ngoài sử dụng các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối, nhà tư bản còn có thể sử dụng các biện pháp cắt xén tiền công, tăng ca tăng kíp, tăng cường độ lao động.

Ví dụ: Thông thường, muốn tăng khối lượng giá trị thặng dư, nhà tư bản phải tăng thêm máy móc, thiết bị và công nhân.

Nhưng nhà tư bản có thể không tăng thêm công nhân mà bắt số công nhân hiện có cung cấp thêm một lượng lao động bằng cách tăng thời gian lao động và cường độ lao động. Đồng thời, tận dụng một cách triệt để công suất của số máy móc hiện có, chỉ tăng thêm nguyên liệu tương ứng.

**2.2. Nâng cao năng suất lao động.(Ví dụ)**

Năng suất lao động xã hội tăng lên thì giá cả tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng giảm xuống, sự giảm này đem đến hai hệ quả cho tích lũy tư bản:

* Với một khối lượng giá trị thặng dư nhất định, phần dành cho tích lũy tư bản có thể tăng lên những tiêu dùng của nhà tư bản không giảm, thậm chí có thể cao hơn.
* Một lượng giá trị thặng dư nhất định dành cho tích lũy có thể chuyển hóa thành một khối lượng tư liệu sản xuất và sức lao động phụ thêm nhiều hơn trước

Do đó, quy mô của tích lũy không chỉ phụ thuộc vào khối lượng giá trị thặng dư được tích lũy, mà còn phụ thuộc vào khối lượng hiện vật do giá trị thặng dư đó có thể chuyển hóa thành. Như vậy năng suất lao động xã hội tăng lên sẽ có thêm những yếu tố vật chất để biến giá trị thặng dư thành tư bản mới, nên làm tăng quy mô của tích lũy tư bản. Nêys năng suất lao động cao, thì lao động sống sử dụng được nhiều lao động quá khứ hơn, lao động quá khứ đó lại tái hiện dưới hình thái có ích mới, được sử dụng làm chức năng của tư bản ngày càng nhiều, do đó cũng làm tăng quy mô tích lũy tư bản.

Như vậy, giá trị lao động xã hội tăng lên sẽ có thêm những yếu tố vật chất để biến giá trị thặng dư thành tư bản mới, nên làm tăng quy mô tích lũy. Sự giàu có của xã hội không chỉ do độ dài của thời gian lao động thặng dư mà chủ yếu do năng suất lao động thặng dư quyết định.

**2.3. Sử dụng hiệu quả máy móc và tư bản ứng trước.**

*Tư bản ứng trước:*

Để sản xuất ra giá trị thặng dư, nhà tư bản phải ứng trước tư bản ra để mua tư liệu sản xuất và sức lao động. Trong quá trình sản xuất, giá trị của tư liệu sản xuất được lao động cụ thể của người công nhân chuyển vào sản phẩm mới, lượng giá trị của chúng không đổi. Bộ phận tư bản ấy được gọi là tư bản bất biến. Nhưng đối với bộ phận tư bản dùng để mua sức lao động thì trong quá trình sản xuất, bằng lao động trừu tượng của mình, người công nhân tạo ra một giá trị mới không chỉ bù đắp đủ giá trị sức lao động của công nhân mà còn tạo ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản. Như vậy, bộ phận tư bản này đã có sự biến đổi về lượng và được gọi là tư bản khả biến.

Việc phân chia tư bản ứng trước thành tư bản bất biến (c) và tư bản khả biến (v) là dựa vào vai trò của từng bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư. Ở đây việc phân chia tư bản thành tư bản cố định và tư bản lưu động là đặc điểm riêng của tư bản sản xuất và căn cứ của sự phân chia là phương thức chuyển dịch giá trị của chúng vào sản phẩm trong quá trình sản xuất, hay dựa vào phương thức chu chuyển của tư bản.

*Sử dụng hiệu quả máy móc:*

Theo đà phát triển của đại công nghiệp, máy móc sẽ từng bước thay thế lao động giản đơn, quá trình sản xuất từ chỗ là một quá trình lao động đơn giản sẽ trở thành một quá trình khoa học, lao động trực tiếp trở thành thứ yếu so với lao động khoa học.

Khi nghiên cứu về tư bản cố định, C.Mác đã chỉ rõ: hệ thống máy móc biểu hiện ra là một hình thức thích hợp nhất của tư bản cố định và sự phát triển của tư bản cố định lại là chỉ số của sự phát triển sức sản xuất, là thước đo mức độ phát triển của sự giàu có dựa trên phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Hệ thống máy móc tự động là sự vật hóa của tri thức, biểu hiện sự tích lũy tri thức và cũng là sự tích lũy sức sản xuất, sự chuyển hóa tri thức thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Ví dụ, chúng ta dùng các thiết bị máy móc để vận chuyển hàng hóa như: ô tô, xe máy, cần cẩu, tàu chở hàng,... Chúng ta cũng dùng máy móc để làm tăng năng suất lao động, chẳng hạn như: máy cấy lúa, máy gặt lúa, máy cắt gỗ,....

Tuy nhiên, việc hệ thống máy móc tự động thay thế lao động giản đơn, làm giảm lao động trực tiếp không hề có nghĩa là giảm vai trò nhân tố con người trong sức sản xuất của lao động. Bởi vì, như C.Mác đã khẳng định: "Thiên nhiên không chế tạo ra máy móc... Tất cả những cái đó đều là sản phẩm lao động của con người... Tất cả những cái đó đều là những cơ quan của bộ óc con người do bàn tay con người tạo ra, đều là sức mạnh đã vật hoá của tri thức. Sự phát triển của tư bản cố định là chỉ số cho thấy tri thức xã hội phổ biến [wissen, knowledge] đã chuyển hoá đến mức độ nào thành lực lượng sản xuất trực tiếp, do đó nó cũng là chỉ số cho thấy những điều kiện của chính quá trình sống của xã hội đã phục tùng đến mức độ nào sự kiểm soát của trí tuệ phổ biến và đá được cải tạo đến mức độ nào cho phù hợp với quá trình ấy. Những lực lượng sản xuất xã hội đã được tạo ra đến mức độ nào không những dưới hình thức tri thức, mà cả như là những cơ quan thực hành xã hội trực tiếp, những cơ quan trực tiếp của quá trình sống hiện thực.”

Những điều nói trên hoàn toàn phù hợp với sự phát triển của kinh tế tri thức hiện nay: Hệ thống máy móc phát triền cùng với sự tích luỹ những tri thức xã hội và nói chung, sự tích luỹ sức sản xuất. Mối quan hệ giữa khoa học - công nghệ - sản xuất ngày càng trở nên chặt chẽ. Tri thức, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Tri thức được sản xuất ra không chỉ trong các cơ quan nghiên cứu, mà còn ngay cả trong môi trường sản xuất. Giáo dục và đào tạo gắn với nghiên cứu khoa học và sản xuất. Ngay trong từng doanh nghiệp cũng tiến hành đào tạo thường xuyên, cũng nghiên cứu khoa học và công nghệ, nhiều khi khó phân biệt đơn vị sản xuất với phòng thí nghiệm. Trong các lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ thông tin... có những dược phẩm, những vi mạch, phần mềm được sản xuất ngay trong phòng thí nghiệm. Cùng một nơi, người ta nghiên cứu rồi sản xuất đại trà.

Trong nền kinh tế tri thức, sự sáng tạo, đổi mới thường xuyên là động lực chủ yếu thúc đẩy sự phát triển sức sản xuất. Vòng đời sản phẩm và vòng đời công nghệ được rút ngắn. Muốn thắng trong cạnh tranh, phải luôn luôn tìm được công nghệ mới.

Những quan điểm của C.Mác về ứng dụng khoa học, công nghệ vào quá trình sản xuất nói trên đã chỉ cho chúng ta thấy rằng muốn thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá rút ngắn ở nước ta, chúng ta phải:

Một là, tăng tỷ trọng lao động trí óc trong cơ cấu lao động xã hội bằng cách tăng đầu tư cho giáo dục đào tạo, cho nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Hai là, đổi mới giáo dục và đào tạo.

Ba là, xã hội hoá các công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ, xã hội hoá giáo dục và đào tạo.

Tóm lại, nhân tố quan trọng hàng đầu để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá rút ngắn là đào tạo được một đội ngũ công nhân tri thức hùng hậu. Trong điều kiện nước ta rất nghèo, ngân sách Nhà nước còn hạn hẹp, phải kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí, phải giảm bớt đầu tư vào một số lĩnh vực kém thiết yếu (như xây dựng các trụ sở làm việc quá nguy nga, cán bộ đi xe ôtô quá hào nhoáng...) để tăng đầu tư cho nghiên cứu khoa học, công nghệ và giáo dục, đào tạo, phải thi hành kỷ luật nghiêm những kẻ không chấp hành những quy định tiết kiệm mà Nhà nước đã ban hành.

**3. Một số hệ quả của tư bản chủ nghĩa.**

Theo C. Mác, quá trình tích lũy tư bản trong nền kinh tế thị truongf tư bản dẫn tới các hệ quả kinh tế mang tính quy luật như sau:

Thứ nhất, tích lũy tư bản làm tăng cấu tạo hữu cơ tư bản.

Cấu tạo hữu cơ của tư bản (ký hiêu c/v) là cấu tạo giá trị được quy định bởi cấu tạo kỹ thuật và phản ánh sự biến đổi của cấu tạo kỹ thuật của tư bản.

Cấu tạo kỹ thuật này, nếu quan sát qua hình thái giá trị nó phản ánh mối quan hệ tỷ lệ giữa tư bản bất biến với tư bản khả biến. Tỷ lệ giá trị được gọi là cấu tạo hữu cơ. Cấu tạo hữu cơ luôn có xu hướng tăng do cấu kỹ thuật cũng vận động theo xu hướng tăng lên về lượng.

Vì vậy, quá trình tích lũy tư bản không ngừng làm tăng cấu tạo hữu cơ tư bản.

Thứ hai, tích lũy tư bản làm tăng tích tụ và tập trung tư bản.

Trong quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa, quay mô của tư bản cá biệt tăng lên thông qua quá trình tích tụ và tập trung tư bản.

Tích tụ tư bản là sự tăng thêm quy mô của tư bản cá biệt bằng cách tư bản hóa giá trị thặng dư.

Tích tụ cơ bản làm tăng quy mô tư bản cá biệt đồng thời làm tăng quy mô tư bản xã hội do giá trị thặng dư được biến thành tư bản phụ thêm. Tích tụ tư bản là kết quả trực tiếp của tích lũy tư bản.

Tập trung tư bản là sự tăng lên của quy mô tư bản cá biệt mà không làm tăng quy mô tư bản xã hội do hợp nhất các tư bản cá biệt vào một chỉnh thể tạo một tư bản cá biệt lớn hơn.

Tập trung tư bản có thể được thực hiện thông qua sát nhập các tư bản cá biệt với nhau.

Tích tụ và tập trung tư bản đều góp phần tạo tiền đề có thể được nhiều giá trị thặng dư hơn cho người mua hàng hóa sức lao động

Thứ ba, quá trình tích lũy tư bản làm không ngừng làm tăng chênh lệch giữa thu nhập của nhà tư bản với thu nhập của người lao động làm thuê cả tuyệt đối lẫn tương đối. Thực tế, xét chung trong toàn bộ nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, thu nhập mà các nhà tư bản có được lớn hơn gấp rất nhiều lần so với thu nhập dưới dạng tiền công của người lao động làm thuê. C. Mác đã quan sát thấy thực tế này và ông gọi đó là sự bần cùng hóa người lao động. Cùng với sự gia tăng quy mô sản xuất và cấu tạo hữu cơ của tư bản, tư bản khả biến có xu hướng giảm tương đối so với tư bản bất biến, dẫn tới nguy cơ thừa nhân khẩu. Do đó quá trình Tích lũy tư bản có tính hai mặt, một mặt thể hiện sự tích lũy sự giàu sang về phía giai cấp tư sản, và mặt khác tích lũy sự bần cùng về phía giai cấp công nhân làm thuê.

**CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG VẬN DỤNG TÍCH LŨY TƯ BẢN VÀO NỀN KINH TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.**

**1. Khái quát tình hình.**

Trong 20 năm qua, đất nước ta đã có được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, sản xuất phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt,… để đạt được những thành tựu này sẽ phụ thuộc rất nhiều vào việc tích luỹ, huy động vốn cho nền kinh tế. Bắt đầu chuyển đổi từ nền kinh tế bao cấp, đời sống nhân dân đã được cải thiện, thu nhập quốc dân tăng lên. Nhưng vì thực trạng tích luỹ vốn của chúng ta thấp, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển nên điều này vẫn rất nhỏ bé so với thế giới.

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1960-1964 ở nước ta do đại hội đảng toàn quốc lần thứ III đề ra với sự nghiệp “Công nghiệp hoá, hiện đại hoá”. Quá trình này được chia làm 2 thời kỳ:

* Thời kỳ 1960 =>1985: CNH được tiến hành trong điều kiện cơ chế kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp.
* Thời kỳ 1985 => nay: CNH gắn liền với quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN.

**2. Vận dụng Tư bản tích luỹ vào xây dựng nền kinh tế Việt Nam.**

***a) Quá trình mở rộng sản xuất ở Việt Nam hiện nay.***

Đổi mới mô hình là điểm mấu chốt trong đổi mới quan hệ tổ chức, quản lý sản xuất ở việt nam. Bởi vì, trước đây với cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp đã triệt tiêu động lực của người lao động, kìm hãm lực lượng sản xuất phát triển, dẫn đến sự trì trệ về kinh tế và khủng hoảng về mọi mặt đời sống xã hội.

Nền kinh tế ở nước ta đã phát triển mạnh mẽ trong thời gian qua nhờ xu thế toàn cầu hoá, sự chuyển giao và hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ. Những công cụ lao động giản đơn được thay thế bằng những dây chuyền máy móc hiện đại.

Những sự thay đổi lớn lao của công cụ sản xuất đã làm cho năng suất lao động tăng vượt bậc và có chất lượng cao. Nhờ quá trình tích luỹ vốn đã thay thế các quá trình sản xuất nhỏ thành quá trình sản xuất lớn với quy trình công nghệ phù hợp với nền kinh tế thị trường.

Ngành nông nghiệp ở nước ta nhờ có quá trình tích luỹ vốn nên đã đạt được nhiều thành tựu thông qua việc đầu tư máy móc thiết bị, nâng cao trình độ cho người nông dân. Nhiều nơi việc làm không còn làm bằng thủ công, thay vào đó là những dây chuyền với quy mô khép kín. Chính vì vậy, việc mở rộng sản xuất nông nghiệp ở nước ta là rất cần thiết.

***b) Sự hình thành các tập đoàn kinh tế ở Việt Nam.***

Việc xây dựng tập đoàn kinh tế là chủ trương của đảng và nhà nước để đưa nền kinh tế nước ta phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Đảng và nhà nước ta đã xác định một số lĩnh vực trọng điểm cần phải hình thành các tập đoàn kinh tế mũi nhọn và phải đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Ví dụ như 8 tập đoàn kinh tế quốc gia trong các lĩnh vực trọng điểm như: bưu chính-viễn thông, than- khoáng sản, dầu khí, điện lực, công nghiệp tàu thuỷ, dệt may, cao su, tài chính bảo hiểm đã được thành lập. Bên cạnh những tập đoàn kinh tế lớn, nhà nước còn có các tập đoàn kinh tế tư nhân như: FPT, hoà phát, kinh đô, vincom… Các tập đoàn kinh tế tư nhân cũng góp phần làm thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

***c) Sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội.***

Ở nước ta hiện nay, chênh lệch giàu nghèo không được thu hẹp mà ngày càng giãn ra đã khiến cho phân hoá giàu nghèo ngày càng gia tăng. Điều này đã diễn ra ngay từ thời kỳ quản lý kinh tế- xã hội theo cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp. Tuy nhiên, lúc đó sự chênh lệch giàu nghèo, phân hoá thu nhập chưa rạch ròi, bị che khuất bởi chủ nghĩa bình quân và chế độ công hữu với cơ cấu giai cấp “hai giai một tầng”. Chỉ sau từ khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới toàn diện(1986), thì sự chênh lệch giàu nghèo, phân tầng xã hội mới bộc lộ một cách rõ ràng và ngày càng trở nên sâu sắc.

Hiện nay cơ chế thị trường của chúng ta còn mới mẻ, thậm chí có người cho là nền kinh tế thị trường hoang dã, đã tạo ra những kẽ hở để cho một bộ phận lách cơ chế hoặc lợi dụng cơ chế để trục lợi, tham nhũng. Số người làm giàu dạng này thường không đóng góp bao nhiêu để chia sớt gánh nặng của nhà nước mà còn làm cho tiềm lực kinh tế ngày càng suy giảm. Vì thế nếu không nhanh chóng hoàn thiện thể chế, nhất là thể chế dân chủ, nhà nước pháp quyền, xử lý vấn đề lợi ích nhóm, lạm dụng,.. thì chênh lệch giàu- nghèo ở nước ta sẽ ngày càng tăng mạnh.

**3. Những giải pháp tăng cường tích luỹ vốn.**

***a) Giải pháp đúng đắn mối quan hệ tích luỹ tiêu dùng.***

Chúng ta phải xác định được quan hệ giữa quỹ tích luỹ và tiêu dùng vì mục tiêu của xã hội là không ngừng tái sản xuất mở rộng, tăng thêm sản phẩm xã hội, nâng cao mức sống của người dân. Và mối quan hệ này được coi là tối ưu khi sử dụng được các tài sản hiện có, thực hiện được mức tích luỹ có thể đảm bảo phát triển sản xuất với tốc độ cao ổn định mà cuối cùng vẫn đảm bảo tăng tiêu dùng. Chúng ta phải không ngừng khuyến khích tất cả mọi người dân đều ra sức tiết kiệm, tích luỹ. Như vậy, có thể nói tỷ lệ giữa tích luỹ và tiêu dùng không chỉ đơn thuần là tỷ lệ về kinh tế mà còn thể hiện đường lối chính sách của Đảng trong từng thời kỳ nhất định.

***b) Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn.***

Chính phủ không nên cấp vốn toàn bộ cho các doanh nghiệp nhà nước mà nên tiến hành cổ phần hoá doanh nghiệp, để doanh nghiệp sẽ có trách nhiệm hơn với đồng vốn của mình và phát huy mọi năng lực cũng như khả năng quản lý của họ. Đồng thời nhà nước cần quan tâm đến đội ngũ cán bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho họ phát huy hết tiềm năng của mình. Vậy nên để sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, đầu tiên nên xác định rõ ràng từng đối tượng được cấp vốn, từ đó sẽ phân bổ nguồn vốn hợp lý cho các ngành để tạo hiệu quả sử dụng vốn hơn.

***c) Tăng cường tích luỹ vốn trong nước và có biện pháp thu hút vốn đầu tư nước ngoài.***

Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước là giải pháp hàng đầu của tích luỹ vốn trong nước, nó đóng vai trò quan trọng để giải quyết các nhu cầu chi của nhà nước về chi thường xuyên, chi cho đầu tư phát triển và cho phát triển công nghiệp. Việc này là hết sức cấp bách và có ý nghĩa thực tiễn lớn lao.

Biện pháp để tăng cường lượng vốn là thông qua các tổ chức tín dụng và ngân hàng. Đây là 2 hình thức tích luỹ vốn có hiệu quả cao do có thể thu hút được vốn còn nhàn rỗi trong nhân dân. Ngoài ra, ở nước ta hiện nay còn áp dụng biện pháp thu hút vốn thông qua thị trường chứng khoán- là 1 hình thức của thị trường vốn, nếu thị trường chứng khoán hoạt động tốt sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế.

Đặc biệt quan trọng hơn là nguồn vốn đầu tư nước ngoài, bao gồm vốn đầu tư trực tiếp và vốn đầu tư gián tiếp. Trong đó vốn đầu tư trực tiếp có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với sự nghiệp phát triển của nền kinh tế trong nước.

Vì vậy, chúng ta cần có chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp, đặc biệt là vốn của các nước phát triển.

**PHẦN KẾT LUẬN**

Qua lý luận tích lũy tư bản, ta thấy rằng cùng với sự phát triển của xã hội, tích lũy ngày càng đóng vai trò cần thiết. Nhờ tích lũy mà của cải xã hội không ngừng tăng lên. Riêng đối với Việt Nam, để đạt những thuận lợi cùng với việc vượt qua những thách thức trong công nghiệp hiện đại hóa đất nước, trước hết phải có nguồn vốn dồi dào và quan trọng là việc sử dụng vốn như thế nào để đạt hiệu quả quy luật cạnh tranh đã bắt buộc bất cứ một doanh nghiệp nào cũng phải không ngừng mở rộng vốn đầu tư để phát triển doanh nghiệp.

Mà con đường duy nhất là phải tích lũy ngày càng nhiều hơn để tái sản xuất mở rộng.Mặt khác việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài sẽ có tác động rất lớn đến nền kinh tế của trong lẫn ngoài nước .

Từ đó có thể thấy rằng tích luỹ đã thực sự trở thành một vấn đề thực tế mà mọi quốc gia cần giải quyết chứ không đơn thuần là một vấn đề lí luận. Đối với đất nước chúng ta, tôi tin rằng nếu hiểu và thực hiện tốt và hiệu quả chính sách tích luỹ vốn thì việc “sánh vai với các cường quốc năm châu” như mong ước của Hồ chủ tịch sẽ nằm trong tương lai gần.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1.“Trình bày thực chất và các nhân tố quyết định quy mô tích lũy tư bản chủ nghĩa”, 8910x.com , <https://8910x.com/thuc-chat-va-nhan-to-quyet-dinh-tich-luy-tu-ban/>

2. Giáo trinh kinh tế chinh trị Mác – Lê Nin( Hà Nội-2019) Chủ tịch hội đồng biên soạn PGS.TS Ngô Tuấn Nghĩa (trang 94).

3. Vận dụng lý luận tích lũy tư bản của chủ nghĩa Mác Lenin: <http://luanvan.net.vn/luan-van/de-tai-van-dung-ly-luan-tich-luy-tu-ban-cua-chu-nghia-mac-lenin-vao-xay-dung-nen-kinh-te-o-viet-nam-hien-nay-77893/>